

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2024/DS-PT

Ngày 04/4/2024

*“V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ  
trả tiền”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Chí Công

*Các Thẩm phán:* Ông Lưu Anh Tuấn

Ông Trần Văn Thường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Trà My, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 04 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2024/TLPT-DS ngày 26 tháng 01 năm 2024 về "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện IP, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** ông Nguyễn Thanh H; địa chỉ: BSAS, xã IM, huyện IP, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**2. Bị đơn:** bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: thôn Marin 1, xã IM, huyện IP, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

**3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

**3.1.** Ông Nguyễn Thanh H1; địa chỉ: tổ 9, phường TC, thị xã HT, tỉnh TTH. Có mặt.

**3.2.** Nguyễn Thị D1; địa chỉ: tổ 9, phường TC, thị xã HT, tỉnh TTH.

**3.3.** Bà Huỳnh Thị B; địa chỉ: tổ 1, phường PB, thị xã HT, tỉnh TTH.

Bà Nguyễn Thị D1 và bà Huỳnh Thị B ủy quyền cho bà Nguyễn Thị D tham gia tố tụng (theo các văn bản ủy quyền ngày 26 và 27/3/2024).

**4. Người kháng cáo:** nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện ngày 23/3/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:*

Bố mẹ ông Nguyễn Thanh H có 05 người con, cụ thể: Ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị D1, ông Nguyễn Thanh H và bà Huỳnh Thị B (bà B là con riêng của mẹ ông H). Tài sản là thửa đất số 42-3, tờ bản đồ số 21, diện tích 760m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại địa chỉ: Thôn PN1, xã TC, thị xã HT, tỉnh TTH là di sản do cha mẹ ông H để lại. Do các anh chị em trong gia đình có tranh chấp với nhau về việc phân chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại nên bà D đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TTH. Tại Biên bản hòa giải ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TTH ghi nhận và xác định các nội dung sau: “Thửa đất số 42-3, tờ bản đồ số 21, diện tích 760m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại địa chỉ: Thôn PN 1, xã TC, thị xã HT, tỉnh TTH là tài sản thừa kế chung của ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị D1 và Nguyễn Thị B. Các bên thống nhất chuyển nhượng thửa đất nói trên cho ông Phan Ngọc Q, bà Nguyễn Thị Thu H với số tiền 1.444.000.000 đồng, số tiền trên phân chia như sau: ông Nguyễn Thanh H được nhận số tiền 500.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị D1 và Nguyễn Thị B mỗi người được nhận số tiền 150.000.000 đồng (tổng cộng 3 người là 450.000.000 đồng). Đối với số tiền 494.000.000 đồng các đương sự thỏa thuận sử dụng số tiền này để xây dựng nhà thờ và sửa chữa lăng mộ cho cha mẹ. Nhà thờ được xây dựng trên phần đất 200m<sup>2</sup> do ông Nguyễn Thanh H1 cắt phần đất của vợ chồng tại Tổ 9, phường TC, thị xã HT, tỉnh TTH để xây dựng nhà thờ chung (ông Nguyễn Thanh H1 phải chịu trách nhiệm cắt 200m<sup>2</sup> đất đứng tên của 5 anh em trước khi xây dựng nhà thờ). Số tiền 494.000.000 đồng giao cho bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm quản lý và sử dụng với mục đích xây nhà thờ và lăng mộ khi có sự đồng ý của các anh chị em. Từ đó đến nay các anh chị em trong gia đình ông H đều không có ý kiến gì về việc phân chia di sản thừa kế theo nội dung biên bản hòa giải nêu trên. Tuy nhiên, bà D không thực hiện theo đúng cam kết đã thỏa thuận, ông H1 cũng không chịu làm thủ tục tách 200m<sup>2</sup> đất làm sổ đỏ đứng tên chung 05 anh em để tiến hành xây nhà thờ, việc ông H1 tự ý xây nhà thờ ông H cũng không được biết, không được bàn bạc. Mặt khác căn nhà ông H1 đã xây dựng không phải là nhà thờ mà là nhà ở của gia đình ông H1. Do đó ông H yêu cầu bà D phải trả lại cho ông một phần của số tiền 494.000.000 đồng là 123.500.000 đồng.

*\* Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:*

Bà xác nhận tài sản bố mẹ để lại và các thành viên, anh em trong gia đình gồm có 05 người, họ tên như ông H trình bày là đúng. Sau khi cha mẹ mất, do các anh chị em trong gia đình có tranh chấp với nhau về việc phân chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại nên bà đã khởi kiện vụ án tại Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TTH. Bà D có tham gia hòa giải các nội dung theo Biên bản hòa giải ngày 03/6/2020 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TTH. Tuy nhiên, trong biên bản hòa giải ghi số tiền 494.000.000 đồng là tiền của các anh em trong gia đình trong đó có phần của ông Nguyễn Thanh H là không đúng với bản chất của vụ

việc dẫn đến việc ông H khởi kiện đòi chia số tiền này. Số tiền 494.000.000 đồng là tiền của ba chị em gái (gồm có bà D, bà D1 và bà B) góp lại để sử dụng vào mục đích xây nhà thờ và lăng mộ cho cha mẹ, trong số tiền này không có phần của ông H1 và ông H, do đó ông H không có quyền yêu cầu chia số tiền này. Mặt khác số tiền trên bà D đã gửi về cho ông H1 là anh trai cả trong gia đình xây xong nhà thờ để thờ cha mẹ, còn lại 80.000.000 đồng bà D đang quản lý sau này dùng để xây lăng mộ cho cha mẹ. Việc gửi tiền, nhận tiền và xây dựng nhà thờ cho cha mẹ đã được ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị D1, bà Huỳnh Thị B xác nhận và thừa nhận là đúng. Ông H1 cũng đã tiến hành cất 200m<sup>2</sup> đất để xây dựng xong nhà thờ cho cha mẹ. Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TTH đã có biên bản xác minh, mô tả hiện trạng, kết cấu và chụp ảnh tổng thể, chi tiết của nhà thờ do ông H1 đứng ra xây dựng. Do đó số tiền 494.000.000 đồng đã được sử dụng đúng mục đích theo đúng thỏa thuận, các anh chị em trong gia đình không có ai chiếm đoạt và sử dụng số tiền trên vào mục đích cá nhân như ông H trình bày, do đó bà D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.

\* Ông Nguyễn Thanh H1 trình bày: Bà D đã chuyển cho ông số tiền 494.000.000đ để xây nhà thờ và sửa chữa lăng mộ cho cha mẹ. Ông H1 đã dùng một phần tiền xây nhà thờ, số tiền còn lại là 80.000.000đ dùng để xây lăng mộ nhưng chưa thực hiện được do ông H nhiều lần cản trở. Số tiền này ông đã chuyển lại cho bà D giữ, khi nào xây mộ thì bà D sẽ chuyển ra cho ông để ông thực hiện. Ông H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H vì ông H không có quyền gì trong số tiền 490.000.000đ. Số tiền này là của bà D, bà D1 và bà B góp lại để ông xây nhà thờ và sửa chữa lăng mộ cho cha mẹ.

\* Bà Huỳnh Thị B trình bày: Tại biên bản hòa giải ở Tòa án nhân dân huyện Hương Thủy, tỉnh TTH, bà B, bà D, bà D1 và ông H đều thống nhất thỏa thuận giao số tiền 494.000.000đ từ việc bán di sản thừa kế của cha mẹ cho bà D giữ để xây dựng nhà thờ và sửa chữa lăng mộ cho cha mẹ. Tuy nhiên số tiền này là do các bà D, D1, B trích ra để đóng góp, còn phần ông H đã nhận đủ. Số tiền cụ thể bà D, bà D1 và bà B mỗi người nhận được là 164.666.666đ. Bà D có gửi tiền ra cho ông H1 xây nhà thờ và sửa chữa lăng mộ cho cha mẹ. Hiện nay nhà thờ đã xây xong, việc sửa chữa lăng mộ chưa thực hiện được là do khách quan. Số tiền còn lại ông H1 đã chuyển lại cho bà D giữ, khi nào sửa chữa lăng mộ thì bà D chuyển ra cho ông H1. Bà B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, vì ông H không có quyền gì trong số tiền này.

\* Bà Nguyễn Thị D1 trình bày: Tại biên bản hòa giải ở Tòa án nhân dân huyện Hương Thủy, tỉnh TTH, bà B, bà D, bà D1 và ông H đều thống nhất thỏa thuận giao số tiền 494.000.000đ từ việc bán di sản thừa kế của cha mẹ cho bà D giữ để xây dựng nhà thờ và sửa chữa lăng mộ cho cha mẹ. Tuy nhiên số tiền này là do các bà D, D1, B trích ra để đóng góp, còn phần ông H đã nhận đủ. Số tiền cụ thể bà D, bà D1 và bà B mỗi người nhận được là 164.666.666đ. Bà D có gửi tiền ra cho ông H1 xây nhà thờ và sửa chữa lăng mộ cho cha mẹ. Hiện nay nhà thờ đã xây xong, việc sửa chữa lăng mộ chưa thực hiện được là do khách quan.

Số tiền còn lại ông H1 đã chuyển lại cho bà D giữ, khi nào sửa chữa lăng mộ thì bà D chuyển ra cho ông H1. Bà B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H, vì ông H không có quyền gì trong số tiền này.

*\* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DSST ngày 20 tháng 12 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện IP, tỉnh Gia Lai đã quyết định:*

Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 96, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 163, Điều 207, Điều 208, khoản 2 Điều 218 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về việc buộc bà Nguyễn Thị D phải trả số tiền 123.500.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyết định về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

\* Ngày 02/01/2024, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Hóa có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

*\* Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

\* Phát biểu quan điểm, Kiểm sát viên cho rằng trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng cần thiết theo quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 70, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét, xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H, thấy rằng:

[2.1]. Tại biên bản hòa giải ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TTH, các đương sự đã thỏa thuận: Sau khi chia các kỹ phần thừa kế từ việc bán di sản thừa kế, số tiền còn lại là 490.000.000đ giao cho bà D có

trách nhiệm quản lý và sử dụng với mục đích xây nhà thờ và sửa chữa lăng mộ khi có sự đồng ý của các anh chị em.

[2.2]. Lời khai của các đương sự tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và tại Biên bản xác minh ngày 03/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TTH, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ xác định: bà D đã chuyển số tiền 494.000.000 đồng cho ông H1 để sử dụng vào việc xây nhà thờ và sửa chữa lăng mộ. Trên thực tế ông H1 đã thực hiện việc hoán đổi 200m<sup>2</sup> để lại trong phần đất thừa kế của cha mẹ; sử dụng số tiền do bà D chuyển ra để xây nhà thờ theo đúng thỏa thuận của các đương sự. Số tiền còn lại là 80.000.000 đồng dùng để xây dựng, sửa chữa lăng mộ cho cha mẹ nhưng do ông H cản trở nên chưa làm được.

[2.3]. Từ những phân tích trên, cho thấy: Bà D, bà D1, bà B và ông H1 đã thực hiện đúng thỏa thuận; đã sử dụng số tiền 494.000.000đ để xây dựng nhà thờ và thực hiện sửa chữa lăng mộ cho cha mẹ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông H cho rằng ông H1 có xây dựng nhà thờ nhưng không thông báo cho ông biết; trong khi đó ông là thợ xây, vì vậy đã khởi kiện đòi bà D phải trả cho ông số tiền 123.000.000đ là không có căn cứ pháp luật và không đúng thỏa thuận của các bên. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H là có căn cứ pháp luật. Ông H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để xem xét nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh H.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện IP, tỉnh Gia Lai.
3. Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 96, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 163, Điều 207, Điều 208, khoản 2 Điều 218 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh H về việc buộc bà Nguyễn Thị D phải trả số tiền 123.500.000 đồng (*một trăm hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng*).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Thanh H phải chịu 6.175.000 đồng (*sáu triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông H đã nộp là 3.087.500 đồng (*ba triệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000508 ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện IP, tỉnh Gia Lai. Ông H còn phải nộp số tiền 3.087.500 đồng (*ba triệu không trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0003684 ngày 08/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện IP, tỉnh Gia Lai. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện IP;
- Chi cục THADS huyện IP;
- Đường sự;
- Lưu Tòa, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Chí Công**